

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI TP.HỒ CHÍ MINH
Số: 62/SGD
V/v công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh**
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Trụ sở chính: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 08.38323557-38352845 Fax: 08.3 8307141
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Thị Nam Phương**
6. Nội dung của thông tin công bố:
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014
7. Địa chỉ website đăng tải nội dung thay đổi: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.



PHAN THỊ NAM PHƯƠNG

Số: 63 /SGD

V/v: giải trình chênh lệch 10% LNST

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2015

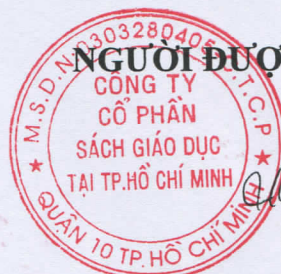
**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 63 Vĩnh Viễn – Phường 2 – Quận 10 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.38335798 – 08.8323557 Fax 08.39381631
5. Người được UQ CBTT: PHAN THỊ NAM PHƯƠNG
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2014 của CTCP Sách Giáo dục tại TPHCM được lập ngày 09/02/2015 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình:
 - Doanh thu năm 2014 so với năm 2013: giảm 2,9%
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2014 giảm 14,5% do đã điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm 2013 vào quý 4 năm 2013 theo TT 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính, Luật Xuất bản và Công văn số 1895/CV-NXBGDVN ngày 08/12/2012 của NXBGDVN gửi Vụ chính sách Thuế Bộ tài chính và công văn trả lời số 6833/BTC-CST ngày 29/5/2013 của Vụ chính sách Thuế – Bộ Tài chính)
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.



NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

PHAN THỊ NAM PHƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38352175
- Fax: (84) 08.38307141
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 37 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/11/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/07/2011 |
| | | Miễn nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2012 |
| | | Miễn nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

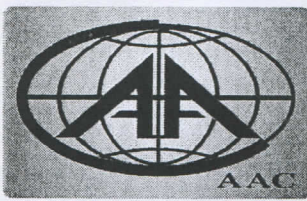
Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 92/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09/02/2015, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.823.943.116	48.555.552.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	20.864.777.723	14.410.730.227
1. Tiền	111		3.364.777.723	4.910.730.227
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.500.000.000	9.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.745.178.000	332.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.836.812.680	468.360.080
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(91.634.680)	(136.360.080)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.477.502.045	18.074.738.197
1. Phải thu khách hàng	131		11.877.269.953	12.587.558.055
2. Trả trước cho người bán	132		5.717.824.304	6.043.741.129
3. Các khoản phải thu khác	135	7	80.497.920	244.203.333
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(1.198.090.132)	(800.764.320)
IV. Hàng tồn kho	140	9	11.296.069.206	14.929.466.383
1. Hàng tồn kho	141		13.547.124.858	17.556.154.583
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.251.055.652)	(2.626.688.200)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		440.416.142	808.617.896
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.999.996	22.748.083
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.140.152	216.784.902
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	-	195.904.664
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	339.275.994	373.180.247
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.201.317.322	18.947.935.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.064.308.069	17.463.719.064
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.270.166.435	480.953.362
- Nguyên giá	222		2.166.259.390	1.532.273.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(896.092.955)	(1.051.320.001)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	16.674.200.270	16.889.064.338
- Nguyên giá	228		16.906.969.677	16.906.969.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(232.769.407)	(17.905.339)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	119.941.364	93.701.364
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	16	1.790.000.000	840.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.790.000.000	840.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		347.009.253	644.216.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	347.009.253	644.216.215
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		71.025.260.438	67.503.487.982

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.516.200.072	12.734.859.088
I. Nợ ngắn hạn	310		16.516.200.072	12.734.859.088
1. Phải trả người bán	312		10.296.062.315	6.693.006.029
2. Người mua trả tiền trước	313		245.349.159	144.872.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	272.485.835	54.147.106
4. Phải trả người lao động	315		2.492.676.778	1.336.971.876
5. Chi phí phải trả	316	19	3.155.051.967	3.987.556.511
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	46.739.500	187.386.201
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.834.518	330.918.721
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.509.060.366	54.768.628.894
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.509.060.366	54.768.628.894
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.712.000.000	1.712.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	21	(2.035.282.090)	(2.035.282.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	3.377.002.764	2.862.449.329
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	1.517.632.156	1.517.632.156
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	8.567.707.536	9.341.829.499
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		71.025.260.438	67.503.487.982



Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	98.015.882.660	101.148.165.350
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	1.146.157.154	440.906.913
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	96.869.725.506	100.707.258.437
4. Giá vốn hàng bán	11	23	77.606.082.886	82.816.729.001
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		19.263.642.620	17.890.529.436
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	625.610.825	834.790.090
7. Chi phí tài chính	22	25	(27.731.426)	(246.831)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		8.549.486.388	6.857.713.141
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.508.388.016	5.691.668.480
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.859.110.467	6.176.184.736
11. Thu nhập khác	31	26	249.195.828	18.209.908
12. Chi phí khác	32	27	168.877.534	9.279.691
13. Lợi nhuận khác	40		80.318.294	8.930.217
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28	5.939.428.761	6.185.114.953
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.386.957.492	858.521.721
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	28	4.552.471.269	5.326.593.232
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.181	1.536



Phạm Cảnh Toàn
TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	99.946.417.651	104.229.787.077
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(80.921.153.563)	(96.716.363.055)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.205.373.900)	(4.002.052.225)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.026.471.138)	(288.754.712)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.428.980.340	1.608.634.340
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.314.360.813)	(4.795.689.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.908.038.577	35.562.378
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.810.375.001)	(1.744.538.732)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	259.600.000	18.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(750.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	621.828.420	836.622.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.678.946.581)	(889.825.316)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	4.465.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.775.044.500)	(4.550.787.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.775.044.500)	(85.787.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.454.047.496	(940.049.938)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.410.730.227	15.350.780.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.864.777.723	14.410.730.227



Phạm Cảnh Toàn
TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung theo có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.9 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại bổ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
- ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	216.270.715	24.254.498
Tiền gửi ngân hàng	3.148.507.008	4.886.475.729
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng)	17.500.000.000	9.500.000.000
Cộng	<u>20.864.777.723</u>	<u>14.410.730.227</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	200.000	1.836.812.680	40.000	468.360.080
- Cổ phiếu C/ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	197.000	1.805.534.680	40.000	468.360.080
- Cổ phiếu C/ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	3.000	31.278.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(91.634.680)		(136.360.080)
Cộng		1.745.178.000		332.000.000

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	19.062.500	25.208.333
Phải thu Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	200.000.000
Phải thu khác	61.435.420	18.995.000
Cộng	80.497.920	244.203.333

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	1.198.090.132	551.406.522
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	249.357.798
Cộng	1.198.090.132	800.764.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	144.241.612	1.846.011.100
Chi phí SX, KD dở dang	5.015.253.316	4.352.166.070
Thành phẩm	8.123.088.804	11.128.220.821
Hàng hóa	264.541.126	229.756.592
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.251.055.652)	(2.626.688.200)
Cộng	11.296.069.206	14.929.466.383

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí phần mềm chờ phân bổ	-	10.000.000
Chi phí bảo hiểm xe ô tô chờ phân bổ	-	12.748.083
Chi phí bảo hiểm hàng hóa chờ phân bổ	3.999.996	-
Cộng	3.999.996	22.748.083

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế TNDN nộp thừa	-	195.904.664
Cộng	-	195.904.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	49.200.000	9.942.167
Ký quỹ ngắn hạn	290.075.994	363.238.080
Cộng	339.275.994	373.180.247

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	352.634.937	1.179.638.426	1.532.273.363
Mua sắm trong năm	-	1.044.188.027	1.044.188.027
Thanh lý, nhượng bán	-	410.202.000	410.202.000
Số cuối năm	352.634.937	1.813.624.453	2.166.259.390
Khấu hao			
Số đầu năm	58.772.489	992.547.512	1.051.320.001
Khấu hao trong năm	58.772.489	196.202.465	254.974.954
Thanh lý, nhượng bán	-	410.202.000	410.202.000
Số cuối năm	117.544.978	778.547.977	896.092.955
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	293.862.448	187.090.914	480.953.362
Số cuối năm	235.089.959	1.035.076.476	1.270.166.435

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là: 288.345.517 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú VND	Quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.468.156.872	10.438.812.805	16.906.969.677
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	6.468.156.872	10.438.812.805	16.906.969.677
Khấu hao			
Số đầu năm	-	17.905.339	17.905.339
Khấu hao trong năm	-	214.864.068	214.864.068
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	-	232.769.407	232.769.407
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.468.156.872	10.420.907.466	16.889.064.338
Số cuối năm	6.468.156.872	10.206.043.398	16.674.200.270

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m². Mục đích sử dụng dự kiến: xây dựng kho chứa sách và thiết bị trường học.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Xây dựng nhà 363 Hưng Phú	119.941.364	93.701.364
Cộng	119.941.364	93.701.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	40.000	1.790.000.000	40.000	840.000.000
- Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)		950.000.000		-
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng	40.000	840.000.000	40.000	840.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		-		-
Cộng		1.790.000.000		840.000.000

Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng. Cổ phiếu của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng cũng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm 2014. Do đó, khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo giá gốc đầu tư và không trích lập dự phòng.

(*) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo HĐ số 005/SGD/2014/ĐTXB ngày 25/08/2014 để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho hoạt động xuất bản sách Sách giáo khoa và Sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm. Tổng số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2014 là 950.000.000 đồng.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí tổ chức bản thảo	326.545.500	603.288.709
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	20.463.753	40.927.506
Cộng	347.009.253	644.216.215

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	164.581.690	-
Thuế thu nhập cá nhân	107.904.145	54.147.106
Cộng	272.485.835	54.147.106

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chi phí bản thảo, biên tập	1.995.832.812	2.894.569.632
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	1.109.219.155	972.986.879
Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	50.000.000
Trích trước chi phí khám sức khỏe CBNV	-	70.000.000
Cộng	3.155.051.967	3.987.556.511

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	-	36.858.201
Cổ tức phải trả	2.203.500	150.528.000
Phải trả khác	44.536.000	-
Cộng	46.739.500	187.386.201

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	41.370.000.000	(5.651.552.090)	2.862.449.329	1.517.632.156	11.148.489.142
Tăng trong năm	-	-	-	-	5.326.593.232
Giảm trong năm	-	(3.616.270.000)	-	-	7.133.252.875
Số dư tại 31/12/2013	41.370.000.000	(2.035.282.090)	2.862.449.329	1.517.632.156	9.341.829.499
Số dư tại 01/01/2014	41.370.000.000	(2.035.282.090)	2.862.449.329	1.517.632.156	9.341.829.499
Tăng trong năm	-	-	514.553.435	-	4.552.471.269
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	5.326.593.232
Số dư tại 31/12/2014	41.370.000.000	(2.035.282.090)	3.377.002.764	1.517.632.156	8.567.707.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	31/12/2014 VND	Tỷ lệ %	31/12/2013 VND
Vốn đầu tư của Công ty TNHH MTV NXBGD VN	15,28	6.320.000.000	15,28	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	77,92	32.236.000.000	77,92	32.236.000.000
Cổ phiếu quỹ	6,80	2.814.000.000	6,80	2.814.000.000
Cộng	100%	41.370.000.000	100%	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu thường	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	281.400	281.400
- Cổ phiếu thường	281.400	281.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu thường	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.341.829.499	11.148.489.142
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.552.471.269	5.326.593.232
Phân phối lợi nhuận năm trước	5.326.593.232	7.133.252.875
- Trích quỹ đầu tư phát triển	514.553.435	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	185.319.797	1.967.064.245
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	468.348.630
- Chia cổ tức	4.626.720.000	4.697.840.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.567.707.536	9.341.829.499

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 76/NQ-SGD ngày 08/03/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 76/NQ-SGD ngày 08/03/2014 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 12%, tương ứng 4.626.720.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2014.

22. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	98.015.882.660	101.148.165.350
+ Doanh thu bán sách giáo khoa, sách tham khảo	97.655.335.803	99.828.906.746
+ Doanh thu hoạt động khác	360.546.857	1.319.258.604
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.146.157.154	440.906.913
+ Hàng bán bị trả lại	1.146.157.154	440.906.913
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.869.725.506	100.707.258.437

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	77.653.125.837	81.089.564.645
Giá vốn hoạt động khác	328.589.597	1.278.214.136
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(375.632.548)	448.950.220
Cộng	77.606.082.886	82.816.729.001

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	583.682.587	754.830.840
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.000.000	40.000.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	9.928.238	39.959.250
Cộng	625.610.825	834.790.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chiết khấu thanh toán	16.860.699	15.753.169
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(44.725.400)	(16.000.000)
Chi phí tài chính khác	133.275	-
Cộng	(27.731.426)	(246.831)

26. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu bán phế liệu, công cụ dụng cụ	12.797.591	-
Thu thanh lý tài sản cố định	236.000.000	18.090.909
Thu nhập khác	398.237	-
Cộng	249.195.828	18.209.908

27. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	168.548.703	8.476.834
Chi phí khác	328.831	802.857
Cộng	168.877.534	9.279.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.939.428.761	6.185.114.953
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	195.198.703	(31.523.166)
- Điều chỉnh tăng	227.198.703	8.476.834
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	58.650.000	8.476.834
+ Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính thuế	168.548.703	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	32.000.000	40.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	6.134.627.464	6.153.591.787
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.386.957.492	858.521.721
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	1.349.618.042	766.173.884
- Chi phí thuế TNDN các năm trước điều chỉnh và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	37.339.450	92.347.837
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.552.471.269	5.326.593.232

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.552.471.269	5.326.593.232
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.855.600	3.468.203
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.181	1.536

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.203.146.144	30.102.452.965
Chi phí nhân công	5.932.526.945	4.398.125.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.839.022	156.859.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.057.721.273	25.623.917.068
Chi phí khác bằng tiền	5.312.918.468	5.963.896.929
Cộng	51.976.151.852	66.245.252.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học... , các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Ban Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

1100
CỘNG
T.N
KẾM TỐ
HẢI C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.296.062.315	-	10.296.062.315
Chi phí phải trả	3.155.051.967	-	3.155.051.967
Phải trả khác	46.739.500	-	46.739.500
Cộng	<u>13.497.853.782</u>	<u>-</u>	<u>13.497.853.782</u>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.693.006.029	-	6.693.006.029
Chi phí phải trả	3.987.556.511	-	3.987.556.511
Phải trả khác	150.528.000	-	150.528.000
Cộng	<u>10.831.090.540</u>	<u>-</u>	<u>10.831.090.540</u>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.864.777.723	-	20.864.777.723
Đầu tư tài chính	1.745.178.000	1.790.000.000	3.535.178.000
Phải thu khách hàng	10.679.179.821	-	10.679.179.821
Phải thu khác	80.497.920	-	80.497.920
Tài sản tài chính khác	290.075.994	-	290.075.994
Cộng	<u>33.659.709.458</u>	<u>1.790.000.000</u>	<u>35.449.709.458</u>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.410.730.227	-	14.410.730.227
Đầu tư tài chính	332.000.000	840.000.000	1.172.000.000
Phải thu khách hàng	11.786.793.735	-	11.786.793.735
Phải thu khác	244.203.333	-	244.203.333
Tài sản tài chính khác	363.238.080	-	363.238.080
Cộng	<u>27.136.965.375</u>	<u>840.000.000</u>	<u>27.976.965.375</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cung ứng sách tham khảo	82.786.000	507.532.922
CN. NXBGD tại TP. Cần Thơ	Cung ứng sách tham khảo	73.080.638	-
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	3.400.990.240	3.988.666.612
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	4.349.557.892	3.828.409.780
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Cung ứng sách tham khảo	390.760.305	2.912.613
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Cung ứng sách tham khảo	569.539.800	384.860.484
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Cung ứng sách tham khảo	627.779.356	-
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách tham khảo	780.117.965	966.038.994
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	12.816.248.716	14.586.214.757
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách tham khảo	60.580.990	123.703.400
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách giáo khoa	668.822.765	722.276.397
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa	271.188.440	299.495.337
Công ty CP Sách dịch & Từ điển Giáo dục	Cung ứng sách tham khảo	64.139.000	-
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Nhập giấy, tem	422.500	8.603.078.500
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	288.750.000	-
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Nhập sách tham khảo	2.359.498.280	1.839.257.700
Công ty CP Bàn đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Nhập sách tham khảo	1.924.007.000	3.038.345.200
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	4.064.338.225	3.362.556.055
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	5.247.645.810	6.104.675.510
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Nhập sách tham khảo	947.238.360	1.131.506.550
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	385.404.440	820.280.520
Công ty CP Sách Dân tộc	Nhập sách, tiền bản thảo	2.754.564.440	3.329.085.226
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách	4.192.411.564	3.423.853.213
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách tham khảo	680.717.676	444.136.178
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Tiền bản thảo	136.338.000	-
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	3.083.435.000	1.792.454.388
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Nhập sách, tiền bản thảo	262.611.266	626.224.220
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách giáo khoa	4.346.908.830	3.657.360.081
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Nhập sách giáo khoa	1.899.311.370	-
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Nhập sách tham khảo	308.621.394	503.282.457
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Đầu tư dài hạn	750.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khách hàng		
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	3.737.621	55.656.983
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	-	808.184.751
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	203.656.380	159.951.447
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	314.149.435	438.746.579
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	166.460.750	199.963.031
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	57.302.279	137.790.884
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	-	391.847.806
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	25.912.341	-
Phải trả cho người bán		
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	-	87.542.994
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	138.750.000	-
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	-	435.491.280
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	78.109.760	234.160.960
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	346.198.863	824.993.955
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	272.018.060	394.170.090
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	106.146.982	69.377.142
Công ty CP Sách Dân tộc	129.916.053	305.275.813
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	208.990.287	85.838.671
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	21.968.333	7.953.237
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	146.163.958	92.070.192
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.102.904.623	293.466
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	63.088.000	191.800.600
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	-	35.399.910
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	64.410.263	163.055.269

d. Giao dịch khác

		Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	822.323.810	932.978.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	176.200.000	228.250.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.



Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

